

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Định hướng nghiên cứu

Tên ngành: Quản lý đất đai

Mã ngành: 8850103

1	Tên ngành đào tạo (Tiếng Việt và Anh)	Quản lý đất đai Land management
2	Mã ngành	8850103
3	Đơn vị quản lý (ghi Bộ môn và Khoa)	Bộ môn Tài nguyên đất đai – Khoa Môi trường và TNTN
4	Các ngành dự thi	
4.1	Ngành đúng, phù hợp(không học bổ sung kiến thức)	- Quản lý đất đai
4.2	Ngành gần(học bổ sung kiến thức)	- Khoa học đất - Quản lý tài nguyên và Môi trường - Các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tín chỉ.
5	Mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung: <p>Đào tạo thạc sĩ Quản lý đất đai có kiến thức, kỹ năng chuyên sâu trong tổ chức nghiên cứu, quản lý và giải quyết các vấn đề chuyên môn về quản lý đất đai: Trắc địa - bản đồ, qui hoạch, quản lý nhà nước về đất đai, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài nguyên v.v... Có khả năng làm việc và thích ứng với môi trường năng động vùng Đồng bằng sông Cửu Long.</p> - Mục tiêu cụ thể <ul style="list-style-type: none"> a. Đào tạo chuyên môn trình độ cao, chính trị tư tưởng vững vàng và năng lực trong công tác quản lý đất đai, b. Có kiến thức chuyên sâu đảm nhiệm nhiệm vụ quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng dụng vào thực tế một cách có hiệu quả trong điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội của DBSCL. c. Có khả năng phân tích và đánh giá kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật. d. Có khả năng vận dụng thành thạo các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ trong công tác quản lý đất đai.
6	Chuẩn đầu ra	<p>Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo cụ thể qua các nội dung sau:</p>
6.1	Kiến thức	<p>6.1.1 Phần kiến thức chung</p> <p>a. Người học vận dụng được thế giới quan, phương pháp luận triết học vào việc nhận thức và giải quyết vấn đề đặt ra trong</p>

	<p>học tập và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.</p> <p>b. Có kiến thức liên quan khoa học tự nhiên, đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập.</p> <p>c. Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp liên quan với chuyên ngành được đào tạo.</p>
	<p>6.1.2 Phân kiến thức cơ sở</p> <p>a. Nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản, vận dụng tốt các kiến thức pháp luật đất đai ứng dụng, thanh tra đất đai, các thông tư, nghị định và quy định về lĩnh vực chuyên ngành quản lý đất đai.</p> <p>b. Nắm vững các kiến thức về quản lý, đánh giá và quy hoạch sử dụng đất đai ứng dụng, cũng như các kiến thức về trắc địa, kỹ thuật bản đồ địa chính, hệ thống thông tin địa lý (GIS).</p> <p>c. Có kiến thức sâu về quản lý đất đai và quản lý đô thị như: kiểm kê & chỉnh lý biến động đất đai, nông nghiệp đô thị, quản lý đô thị.</p> <p>d. Có kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học và tư duy hệ thống để hỗ trợ giải quyết công việc chuyên môn.</p>
6.2	<p>6.1.3 Phân kiến thức chuyên ngành</p> <p>a. Có kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên môn sâu về kỹ thuật, công nghệ như: đo đạc thành lập bản đồ địa chính, xử lý số liệu đo đạc, quản lý thông tin đất đai LIM/LIS, viễn thám ứng dụng trong quản lý, dự báo dịch hại - thiên tai - thảm họa, mô hình hóa, thống kê địa lý.</p> <p>b. Có khả năng vận dụng các kiến thức về pháp luật đất đai trong quản lý nhà nước về đất đai, thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai.</p> <p>c. Có kiến thức chuyên môn sâu về khôi kiến thức quy hoạch, quản lý và bảo tồn tài nguyên đất đai như: quy hoạch phân bố sử dụng đất, quy hoạch và phát triển nông thôn, quy hoạch phát triển vùng và đô thị, phát triển bền vững tài nguyên đất, khai thác và bảo tồn tài nguyên đất, dự báo biến động tài nguyên đất đai.</p> <p>d. Nắm vững, phân tích được biến động giá đất, thị trường nhà đất thông qua khôi kiến thức: kinh tế tài nguyên đất đai, Quản lý & Phân tích thị trường bất động sản, phân tích sinh kế trong thay đổi sử dụng đất.</p> <p>e. Có kiến thức thực tiễn chuyên ngành Quản lý đất đai thông qua thực tập chuyên ngành QLĐĐ và thực hiện luận văn tốt nghiệp.</p> <p>Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực được đào tạo như sau:</p> <p>6.2.1 Kỹ năng cứng</p> <p>a. Thành thạo kỹ thuật đo đạc cao trình, đo đạc địa chính, tính toán bình sai các dạng lưới đường chuyền. Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành Quản lý đất đai và các phần mềm hỗ trợ khác theo quy định của Bộ Tài Nguyên & MT như: Microstation, Famis, AutoCad, 3D Max, Sketchup, Mapinfo,</p>

	<p>Arcgis Desktop, ENVI. Ứng dụng các phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại trong lĩnh vực quản lý đất đai.</p> <p>b. Có kỹ năng phân tích và đánh giá dữ liệu và thông tin trong giải đoán ảnh viễn thám, đồ họa và thiết kế cảnh quan, xây dựng bản đồ địa chính, địa hình, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ thổ nhưỡng, các loại bản đồ chuyên đề khác.</p> <p>c. Có khả năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác, thực hiện, tư vấn trong lĩnh vực quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch nông nghiệp, quy hoạch nông thôn mới.</p> <p>d. Có Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến. Tham gia tư vấn về giá đất, thẩm định giá, bất động sản.</p> <p>e. Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ.</p>
6.3	<p>6.2.2 Kỹ năng mềm</p> <p>a. Có tư duy phân tích hệ thống và sáng tạo, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.</p> <p>b. Có kỹ năng báo cáo, thuyết trình và thảo luận trước đám đông kết hợp với việc sử dụng ngôn ngữ, thời gian và phương tiện hỗ trợ phù hợp.</p> <p>c. Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến. Có năng lực giao tiếp và quan hệ cộng đồng, đàm phán với các đối tác trong các dự án liên quan.</p> <p>d. Có khả năng phân tích và đề xuất các chính sách, biện pháp phục vụ cho việc giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, kỹ thuật thuộc lĩnh vực tài nguyên đất đai có hiệu quả.</p> <p>e. Mềm dẽ và linh hoạt trong tổng hợp, phân tích, đánh giá, dự báo, lập kế hoạch và đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề.</p> <p>a. Phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cao. Thái độ làm việc nghiêm túc, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ và công tác. Thái độ giao tiếp lịch sự, có ý thức xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tích cực và làm việc theo hiến pháp và pháp luật.</p> <p>b. Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị;</p> <p>c. Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn</p> <p>d. Có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng</p>

		dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn trong thực tế.
6.4	Ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn	<i>Học viên tự học đạt chứng nhận B1 (bậc 3/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương</i>
7	Cấu trúc chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Triết học (03 TC) + Ngoại ngữ - Kiến thức cơ sở: 12 tín chỉ - Kiến thức chuyên ngành: 30 tín chỉ - Luận văn tốt nghiệp: 15 tín chỉ
8	Đã tham khảo CTĐT của trường	<ul style="list-style-type: none"> + Chương trình ngành QLĐĐ trường Đại học Nông Lâm Huế (http://hueuni.edu.vn/sdh/index.php?option=com_content&view=article&id=676:chng-trinh-khung-ao-to-thc-s-theo-h-tin-chu-chuyen-nganh-qun-ly-t-ai-&catid=108:chng-trinh-ao-to-cao-hc&Itemid=1090). + Chương trình ngành QLĐĐ trường Đại học Thái Nguyên (http://tuaf.edu.vn/khoaqltn/bai-viet/chuong-trinh-dao-tao-thac-sy-nganh-quan-ly-dat-dai-7307.html) + Chương trình ngành QLĐĐ Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh (http://pgo.hcmuaf.edu.vn/pgo-7157-1/vn/chuong-trinh-cao-hoc-nganh-quan-ly-dat-dai-land-administration.html) + Chương trình ngành QLĐĐ Học viện nông nghiệp Việt Nam (https://www.vnuu.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/view.html?cid=4657&tab=3)
9	Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> - Số học phần: 03; tổng tín chỉ: 6TC - Tên các học phần (<i>tên, mã số HP, số tín chỉ</i>) <ul style="list-style-type: none"> 1. Thổ nhưỡng A (NN230, 03 TC) 2. Trắc địa đại cương (MT155, 03 TC) 3. Dánh giá đất (NN508, 02TC) 4. Luật đất đai (KL327, 03TC) 5. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính (NN297, 02TC) 6. Kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai (NN262, 02TC)
10	Môn thi tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> 1. Toán thống kê 2. Trắc địa 3. Ngoại ngữ

Chương trình đào tạo chi tiết

Tổng số tín chỉ: 60 TC

Thời gian đào tạo: 2 năm

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phàn kiến thức chung									
1	ML605	Triết học	3	x		45			I, II
2		Ngoại ngữ: Học viên có thể chọn 1 trong 3 cách sau: - Nộp chứng chỉ B1 do các cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép; - Nộp văn bằng ngoại ngữ được quy định trong Quy chế đào tạo thạc sĩ của Bộ GD&ĐT; - Tham gia học phần ngoại ngữ do Trường tổ chức riêng cho học viên cao học theo quy định.							
Cộng: 3 TC (Bắt buộc 3 TC; Tự chọn: 0 TC)									
Phàn kiến thức cơ sở									
3	MT698	Phương pháp nghiên cứu khoa học Tài nguyên & Môi trường	2	x		30			I, II
4	MTD615	Chiến lược và quản lý bền vững tài nguyên đất đai và môi trường	2	x		15	30		I, II
5	MT660	Kinh tế đất đai và bất động sản	2	x		15	30		I, II
6	MT654	Tin học chuyên ngành quản lý đất đai	2		x	15	30		I, II
7	MTD603	Khai thác và phát triển quỹ đất	2		x	30			I, II
8	MT655	Sinh hoạt học thuật	2		x	15	30		I, II
9	NN772	Hệ thống nông nghiệp trong phát triển bền vững	2		x	30			I, II
10	MTD616	Suy thoái và bảo tồn tài nguyên đất đai	2		x	15	30		I, II
11	MT699	Phép thí nghiệm và thống kê	2		x	15	30		I, II
12	MKH603	Sinh thái đất ngập nước và ứng dụng	3		x	45			I, II
13	NN780	Quản lý đô thị và khu dân cư nông thôn	2		x	15	30		I, II
Cộng: 12 TC (Bắt buộc 6 TC; Tự chọn: 6 TC)									
Phàn kiến thức chuyên ngành									
14	MT657	GIS - Viễn thám ứng dụng	3	x		15	60		I, II
15	MT659	Dánh giá đất đai nâng cao	3	x		15	60		I, II
16	NN779	Quy hoạch sử dụng đất đai nâng cao	3	x		15	60		I, II
17	MT661	Thực tập giáo trình	1	x			45		I, II
18	MTD602	Quy hoạch vùng và đô thị	2	x		30			I, II
19	MTD617	Xây dựng bản đồ tài nguyên đất đai	2	x		20	20		I, II
20	KLK604	Pháp luật về quy hoạch, bồi thường và giải phóng mặt	2	x		20	20		I, II

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
		bằng							
21	MTD618	Thống kê địa lý trong quản lý đất đai	2	x		15	30		I, II
22	MT662	Trắc địa ứng dụng	2		x	15	30		I, II
23	MTD607	Qui hoạch tổng thể	2		x	30			I, II
24	MTD614	Phát triển đô thị và môi trường	2		x	30			I, II
25	MTD613	Phân tích và dự báo kinh tế xã hội	2		x	30			I, II
26	MTD605	Biến đổi khí hậu	2		x	30			I, II
27	MTD606	Hệ thống định vị toàn cầu GPS trong quản lý đất đai	2		x	30			I, II
28	MTD608	Dự báo và quản lý thảm họa	2		x	30			I, II
29	MTD609	Mô hình dự báo trong quy hoạch sử dụng đất	2		x	30			I, II
30	MTD610	Chính sách đô thị	2		x	30			I, II

Công: 30 TC (Bắt buộc: 18 TC; Tự chọn: 12 TC)

Phản luận văn tốt nghiệp

31	MTD000	Luận văn tốt nghiệp	15	x					II
		Tổng cộng	60	42	18				

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH**

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2019
TRƯỞNG KHOA



Lê Việt Dũng

Nguyễn Văn Công

Hà Thành Toàn

Bảng ma trận mối liên hệ giữa mục tiêu đào tạo và các học phần với chuẩn đầu ra

Ngành: Quản lý Đất đai
Trình độ: Thạc sĩ

A. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VỚI CHUẨN ĐẦU RA

Mục tiêu đào tạo (5)	Kiến thức (6.1)					Chuẩn đầu ra (6)					Thái độ (6.3)					Ngoại ngữ (6.4)				
	Kiến thức cơ sở (6.1.1)					Kiến thức chuyên ngành (6.1.2)					Kỹ năng cứng (6.2)					Kỹ năng mềm				
	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	
a	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
b																			x	
c											x	x	x	x	x	x	x	x	x	
d											x	x	x	x	x	x	x	x	x	

Ghi chú: x: thể hiện mối quan hệ cụ thể;

B. MA TRẬN MÔI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA

		Chuẩn đầu ra (6)										Thái độ (6.3)	Ngoại ngữ (6.4)			
		Kiến thức (6.1)					Kỹ năng (6.2)									
		Kiến thức chung 6.1.1		Kiến thức cơ sở 6.1.2			Kiến thức chuyên ngành 6.1.3			Kỹ năng cứng		Kỹ năng mềm				
a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e
1	ML605	Triết học		x								x	x			
2		Ngoại ngữ		x								x	x		x	
Kiến thức cơ sở																
3	MT698	Phương pháp nghiên cứu khoa học Tài nguyên & Môi trường					x					x	x		x	
4	MTD615	Chiến lược và quản lý bền vững tài nguyên đất đai và môi trường	x		x		x		x				x			
5	MT660	Kinh tế đất đai và bất động sản			x		x		x			x		x		
6	MT654	Tin học chuyên ngành quản lý đất đai		x		x		x	x	x	x		x			
7	MTD603	Khai thác và phát triển quý đất		x		x		x		x	x	x	x	x	x	
8	MT655	Sinh hoạt học thuật			x		x		x		x	x	x	x		
9	NN772	Hệ thống nông nghiệp trong phát triển bền vững			x		x		x		x	x	x	x		
10	MTD616	Suy thoái và bảo tồn tài nguyên đất đai	x			x		x		x	x	x	x	x	x	
11	MT699	Phép thí nghiệm và thống kê			x		x		x		x	x	x	x		
12	MKH603	Sinh thái đất ngập nước và ứng dụng	x		x		x		x		x	x	x	x		
13	NN780	Quản lý đô thị và khu dân cư nông thôn		x		x		x		x	x	x	x	x		
Kiến thức chuyên ngành																
14	MT657	GIS - Viễn thám ứng dụng		x		x		x	x		x	x				
15	MT659	Đánh giá đất đai nâng cao				x		x	x		x	x		x		
16	NN779	Quy hoạch sử dụng đất đai nâng cao				x		x	x		x	x		x		
17	MT661	Thực tập giáo trình				x		x	x		x	x		x		
18	MTD602	Quy hoạch vùng và đô thị				x		x	x		x	x		x		

Học phần	Chuẩn đầu ra (6)												Ngoại ngữ (6.4)								
	Kiến thức (6.1)						Kỹ năng (6.2)														
	Kiến thức chung 6.I.1			Kiến thức cơ sở 6.I.2			Kiến thức chuyên ngành 6.I.3			Kỹ năng cung cấp											
	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d
19	MTD617	Xây dựng bản đồ tài nguyên đất đai			x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
20	KLK604	Pháp luật về quy hoạch, bồi thường và giải phóng mặt bằng			x		x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
21	MTD618	Thông kê địa lý trong quản lý đất đai			x		x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
22	MT662	Trắc địa ứng dụng			x		x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
23	MTD607	Qui hoạch tổng thể				x			x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
24	MTD614	Phát triển đô thị và môi trường					x		x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
25	MTD613	Phân tích và dự báo kinh tế xã hội	x	x				x		x		x		x	x	x	x	x	x	x	x
26	MTD605	Biến đổi khí hậu				x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
27	MTD606	Hệ thống định vị toàn cầu GPS trong quản lý đất đai				x		x		x		x		x	x	x	x	x	x	x	x
28	MTD608	Dự báo và quản lý thảm họa			x		x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
29	MTD609	Mô hình dự báo trong quy hoạch sử dụng đất			x		x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
30	MTD610	Chính sách đô thị	x		x				x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
Luận văn tốt nghiệp																					
31	MTD000	Luận văn tốt nghiệp			x		x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Ghi chú: x: thể hiện mới quan hệ cụ thể;

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2019

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Công

